

CÁC PHƯƠNG TIỆN BIỂU ĐẠT TÌNH THÁI TRONG VĂN BẢN TIN TIẾNG ANH

Nguyễn Thị Thu Hiền*

1. Đặt vấn đề

Chức năng liên nhân của ngôn ngữ liên quan đến các mối quan hệ xã hội được thể hiện trong văn bản. Việc người viết can thiệp vào văn bản bằng cách thể hiện quan điểm của mình là một điều hiển nhiên, đơn giản vì văn bản do người viết tạo ra. Tuy nhiên mức độ can thiệp sâu hay không còn phụ thuộc vào hạn định của từng thể loại văn bản và cách duy nhất để thể hiện mức độ can thiệp này là nhờ thông qua siêu chức năng liên nhân bằng nhiều cách khác nhau. Một trong những cách cơ bản thể hiện quan điểm của người viết là việc họ sẽ chọn cách đặt thông tin của mình ở đâu giữa hai cực khẳng định và phủ định (White, 1998). Đây chính là các dấu hiệu của tình thái trong văn bản.

Theo quan điểm của các nhà báo và các nhà nghiên cứu báo chí thì văn bản tường thuật tin là một thể loại có tính thực tế, khách quan, không thể hiện quan điểm cá nhân (White, 1998). Với mục tiêu là xem xét mức độ can thiệp của người viết bản tin vào văn bản và mức độ họ thể hiện tương tác với người đọc như thế nào, bài viết này sẽ xem xét các thành tố biểu lộ các mức độ tương tác này tại hai vị trí Đề – Thuyết của các cú.

100 bản tin chính trị tiếng Anh đăng tải tại tờ The Washington Post được chọn làm ngữ liệu cho bài viết và được ký hiệu là E. Các cú sẽ được phân tích thành hai phần Đề – Thuyết theo quan điểm của Halliday (1994) và sẽ được ký hiệu là C. Ví dụ C3E1 có nghĩa là cú 3 của bản tin. Việc chọn nghiên cứu ở hai vị trí Đề – Thuyết là do cấu trúc Đề – Thuyết có nhiệm vụ làm cho cú trở thành một thông điệp (Halliday, 1994). Xuất phát điểm của thông điệp khác nhau sẽ dẫn đến cuộc hành trình về nghĩa khác nhau (Davies, 1997).

2. Các phương tiện biểu đạt tình thái trong tiếng Anh

Trong tiếng Anh, Halliday (1994), Eggins (1994), Butt và các cộng sự (2000) Thompson (1996), và Martin và các cộng sự (1997) đều cho rằng có nhiều

* ThS. – Trường ĐH Qui Nhơn

cách thể hiện nghĩa tình thái khác nhau trong cú, trong đó phụ ngữ tình thái (modal adjuncts) và các tác tử động từ tình thái (modal verbal operators) là hai loại diễn đạt chính. Ngoài ra nghĩa tình thái còn được thể hiện bởi các phụ ngữ Thức (Mood Adjunct) mang tính khách quan như *It's possible that...* hoặc chủ quan như *I think that...*. Những cấu trúc này Halliday [47] gọi là ẩn dụ ngữ pháp thể hiện tình thái hay ẩn dụ tình thái. Eggins [29,180] cho rằng với phụ ngữ Thức, người nói có thể thể hiện tường minh phán đoán của họ, chẳng hạn trong *'I'm sure Henry James wrote "The Bostonians"'* hay một cách hàm ẩn trong *"It's certain that Henry James must have written "The Bostonians"*. Như vậy khi phân tích yếu tố tình thái, chúng ta sẽ tập trung ở ba phương diện: phụ ngữ tình thái, tác tử động từ tình thái, ẩn dụ tình thái. Ngoài ra, các động từ trích dẫn trong bản tin rất quan trọng vì nó giúp người viết bày tỏ quan điểm, thái độ của mình một cách hàm ẩn nhất để tạo ra nét khách quan phải có của bản tin (White, 1998), vì vậy ngoài ba phương diện tình thái trên, chúng tôi sẽ phân tích thêm cách sử dụng động từ trích dẫn của người viết tin; tất cả những yếu tố này sẽ được phân tích ở hai vị trí Đề - Thuyết của cú để làm nổi bật lên cách lựa chọn tổ chức thông tin có tính liên nhân của văn bản.

3. Các phương tiện biểu đạt tình thái trong văn bản tin tiếng Anh

3.1 Các yếu tố tình thái ở vị trí Đề

Do hạn định ngữ pháp của tiếng Anh, tại vị trí Đề chỉ có hai yếu tố tình thái có khả năng xuất hiện: phụ ngữ tình thái và tác tử động từ tình thái. Còn yếu tố ẩn dụ ngữ pháp và các động từ trích dẫn chỉ xuất hiện trong phần Thuyết của cú.

Chỉ với 3 trong số 2730 cú tiếng Anh bắt đầu bằng phụ ngữ tình thái, rõ ràng là yếu tố tình thái không phải là một phạm trù cần phải có của bản tin.

C26E91: But virtually all senators had stated their positions publicly

C15E55: Maybe it's all in the imagination.

Với cách trình bày tin không mang dấu ấn cá nhân tại xuất phát điểm của cú, người viết tin dường như đang tuân thủ đặc trưng khách quan trong khi tường thuật tin. Tuy nhiên, khi đọc một bản tin tiếng Anh, người đọc vẫn cảm nhận yếu tố tình thái xuất hiện rải rác ở vị trí Đề của các cú được trích dẫn. Quan điểm của người viết báo không được bộc lộ, nhưng ít nhiều cách trích dẫn nguyên văn các yếu tố tình thái này cũng làm cho bản tin sống động hơn. Các từ như "*absolutely*,

apparently, clearly, undoubtedly..." trong các lời trích dẫn của bản tin tiếng Anh làm cho bản tin tiếng Anh mang màu sắc khẩu ngữ, hàm ẩn quan hệ giữa người viết báo và độc giả là thân thiện. Chẳng hạn trong C10E1, từ "obviously" thể hiện rằng người phát ngôn muốn nhấn mạnh rằng thông tin ông trình bày có tính xác thực, hiển nhiên. Và người viết báo đã giữ lại yếu tố tình thái này nhằm tăng thêm độ tin cậy cho thông tin trích dẫn mà không vi phạm quy tắc khách quan trong bản tin.

C10, 11E1: "Obviously, the debate/has raised a couple decibel levels, "//the second White House official/said//

Không tác tử động từ tình thái nào có thể được tìm thấy ở vị trí Đề của khối ngữ liệu. Về mặt ngữ pháp của tiếng Anh các tác tử động từ tình thái này nếu đóng vai trò là Đề tình thái của cú thì chúng chỉ xuất hiện trong các câu hỏi phân cực (yes - no) như "Can anybody explain this problem?". Tuy nhiên, đa số thông tin trong khối ngữ liệu bản tin được trình bày dưới dạng câu trần thuật. Một số ít cú thuộc dạng câu hỏi phân cực thì lại rơi vào các cú được trích dẫn (không nằm trong phạm vi nghiên cứu ở đây). Vì vậy nếu loại trừ các cú được trích dẫn ra, dường như người viết tin không hề tự đặt câu hỏi cho người đọc hay hô hào người đọc thực hiện một hành động nào đó. Điều này giải thích tại sao không một yếu tố động từ tình thái nào xuất hiện tại vị trí Đề trong khối ngữ liệu. Nói khác, cấu trúc cú nghi vấn bắt đầu bằng một tác tử động từ không phải là sự lựa chọn khi trình bày thông tin trong văn bản tin chính trị tiếng Anh.

Có thể thấy rằng qua việc chọn Đề tình thái, người viết bản tin tiếng Anh dường như có xu hướng tách mình ra khỏi nội dung thông tin, không bộc lộ quan điểm hay thái độ, không thể hiện mối quan hệ nào với người đọc tin.

3.2 Các yếu tố tình thái ở vị trí Thuyết

Tại vị trí Thuyết, bức tranh tình thái có vẻ rõ nét hơn với sự xuất hiện của tất cả các yếu tố mặc dù không nhiều – 8 cú chứa phụ ngữ tình thái trên tổng số 2730 cú, chiếm 0,29%.

Phụ ngữ tình thái xuất hiện nhiều hơn ở vị trí Thuyết trong văn bản tin tiếng Anh đã đem đến một cách nhìn ngược với quan điểm của Halliday (1994) khi ông cho rằng người viết có xu hướng Đề hóa các phụ ngữ tình thái để trình bày

quan điểm của mình. Tuy nhiên tỉ lệ 0,29% này vẫn là quá ít để chứng minh rằng người viết có biểu lộ mức độ cam kết của mình với thông tin được nêu ra.

C38E55: They questionably show that the leaders are doing something.

C17E56: Still, the committee has generally garnered praise for the diligence its members have shown.

C27E10: But NATO forces have come under unexpected attack from Taliban forces, potentially delaying a reduction of U.S. troops.

Các tác tử động từ tình thái xuất hiện đa dạng tại vị trí Thuyết là hoàn toàn dễ hiểu vì đây chủ yếu là các yếu tố nằm ở phần vị từ trong cú trần thuật. Sự đa dạng này thể hiện ở việc sử dụng hầu hết các loại động từ này như *will, can, may, seem, must, could, would, might*

C16E30: None of this seems to discourage the Massachusetts senator.

C25E1: Hyde would also like to examine a section of the bill suspending detainees' right of habeas corpus.

C27E74: After leaving Indonesia, Bush will fly to Honolulu...

C1E70: The Bush administration yesterday unveiled dozens of new questions that may be added to the nation's naturalization test.

C10E67: If the bill comes up later in the week, the Rules Committee could decide to allow admendments to be proposed.

C6E15: Under a 1989 legal settlement, the company must remove the herd by 2011

Việc xuất hiện của các động từ tình thái tại vị trí Thuyết phản ánh một phần nào một sự thực là người viết bản tin vẫn không hoàn toàn khách quan; họ vẫn thể hiện quan điểm, thái độ, mức độ tin cậy đối với thông tin được họ nêu ra mặc dù ở cấp độ rất ít và chủ yếu rơi vào động từ chỉ thời gian *will*.

Các động từ trích dẫn cũng rất phong phú mặc dù chiếm đại đa số vẫn là nhóm động từ thể hiện nét nghĩa trung tính (nhóm 1) như *said, told, declare....*, đặc biệt là *said*.

C1E51: President Bush declared yesterday that the United States is winning the war...

C4E52: A lawyer for the state said an appeal will be filed.

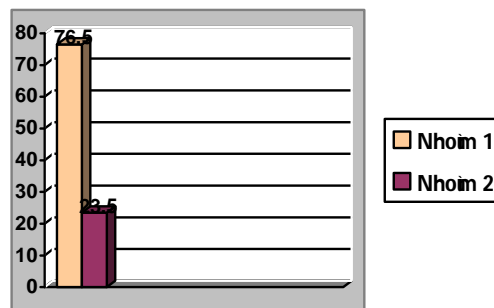
Các động từ của nhóm diễn đạt nét nghĩa tích cực và tiêu cực (nhóm 2) xuất hiện với tỉ lệ thấp hơn nhưng cũng làm cho văn bản tin tiếng Anh sinh động lên với những quan điểm tích cực và tiêu cực của những người phát ngôn một cách tường minh và cả của người viết tin một cách hàm ngôn.

C28E8: *And Jay Carson, a spokesman for Bill Clinton, rejected Rice's contention...*

C30E54: *But lawyers recently complained that officials are starting to require the tests...*

C1E75: *President Bush reassured Pacific Rim leaders Thursday that the United States stands squarely behind efforts*

Bảng 1. Nhóm động từ trích dẫn trong khối ngữ liệu



Trong tổng số 1086 cú chứa quá trình phát ngôn, có 830 cú chứa quá trình trung tính, trong đó 511 cú chứa động từ *said*. Với 76,5% các động từ trích dẫn thuộc nhóm trung tính, chúng ta có thể thấy rằng người viết tin luôn có xu hướng tự tách mình ra khỏi thông tin được nêu. Những gì họ nêu ra là của người khác; họ không hề biểu lộ thái độ đối với thông tin và họ muốn dành quyền diễn giải thông tin cho người đọc. Các động từ như *denied, countered, insisted, argued, predicted...* cũng xuất hiện với tần số thấp hơn (23,5%). Điều này cho thấy người viết tin tiếng Anh đôi lúc cũng đan chen sự diễn giải có tính chủ quan của mình với tư cách là người tường thuật tin vào trong văn bản. Cách chọn các loại động từ trích dẫn ở nhóm này ảnh hưởng khá nhiều đến cách nhìn nhận thông tin của người đọc bởi sự định hướng của người viết lên thông tin. Tuy nhiên với tỉ lệ thấp như vậy, ảnh hưởng của chúng sẽ không lớn.

Ấn dụ tình thái trong cấu trúc "it" chiếm tỉ lệ rất ít trong khối ngữ liệu (0,03%), và con số này quá nhỏ để nói lên được điều gì từ việc sử dụng phụ ngữ thức của người viết bản tin tiếng Anh.

*C13E18: In fact, it is still not **certain** whether Foley broke the law by sending the messages.*

4. Kết luận

Phân tích tình thái ở hai vị trí Đề – Thuyết đã đem đến một số kết luận về đặc trưng liên nhân của văn bản tin chính trị tiếng Anh. Người viết tin tiếng Anh ít thể hiện sự tương tác với thông tin và người đọc. Điều này được chứng minh rõ nét bởi tỉ lệ xuất hiện thấp của các yếu tố tình thái ở cả hai vị trí Đề – Thuyết và cách chọn động từ trích dẫn trung tính của người viết tin. Khi đọc một bản tin tiếng Anh, người đọc ít tìm thấy quan điểm của tác giả hoặc họ không cảm thấy bị cuốn theo cách hiểu thông tin của riêng tác giả. Ngược lại, dường như người đọc được dành cho cái quyền tự do hiểu và diễn giải thông tin dựa trên những sự kiện được tường thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Butt, D., Fahey; R., Spinks; S., Yallop, C.(2000), *Using functional grammar – An explorer’s guide, (second edition)*, Sydney: Macquarie University.
- [2]. Davies, M. (1997), Cohesion in Literary Texts. *Talk given at Saint Louis University, Madrid Campus, March 3rd*
- [3]. Eggins, S. (1994), *An Introduction to systemic functional linguistics*, London: Continuum Wellington House.
- [4]. Halliday, M.A.K. (1994), *An Introduction to functional Grammar*, London: Edward Arnold.
- [5]. Martin, J.R., Matthiessen, C.M.I.M., & Painter, C.(1997), *Working with functional grammar*, New York : Arnold.
- [6]. White, P.R.R. (1998), *Telling Media Tales: The news story as rhetoric*, Sydney: University of Sydney.

Tóm tắt**Các phương tiện biểu đạt tình thái trong văn bản tin tiếng Anh**

Bài nghiên cứu này sử dụng những công cụ pháp chức năng của Halliday để phân tích các yếu tố liên nhân của văn bản tin tiếng Anh thông qua yếu tố tình thái. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng khi viết báo tiếng Anh ít thể hiện tương tác với độc giả thông qua các yếu tố ngôn ngữ. Nghiên cứu thể hiện sự xuất hiện của các yếu tố tình thái ở hai vị trí Nhị – Thuyết của cú pháp để lựa chọn các công thức diễn đạt có tính trung tính. Những giá trị của văn bản tin tiếng Anh cho thấy cho thấy rằng độc giả hiểu và diễn giải thông tin dựa trên những sự kiện một cách khách quan.

Abstract**Modality in English news story**

The study applied Halliday's Functional Grammar to analyze interpersonal elements in the English news through modality. The result has revealed that the English interaction with the text and the readers. This can be seen clearly in the low of modality elements in the two positions Theme - Rheme of the clauses and in the choice of neutral reporting verbs. The English news readers are free in interpreting the events reported without being influenced by the.